

THÀNH HỒ (PHÚ YÊN) QUA 2 MÙA KHAI QUẬT

PHẠM VĂN TRIỆU*, LÊ ĐÌNH PHỤNG**

Nằm trên dải đất miền Trung, trong tổng thể văn hoá Champa nói chung, vùng đất Phú Yên cho đến nay còn lưu lại nhiều dấu tích, di vật thuộc văn hoá Champa, như Thành Hồ, Tháp Nhạn, phế tích tháp Núi Bà, phế tích tháp Phú Lâm, phù điêu phật Tuy Hoà, phù điêu phật đất nung chùa Hồ Sơn... có giá trị đặc sắc không những với vùng đất Phú Yên mà còn có giá trị lịch sử - văn hoá Champa. Chính vì thế, việc nghiên cứu văn hoá Champa ở Phú Yên là một công việc không thể thiếu trong việc nghiên cứu văn hoá Champa, góp phần thiết thực vào việc gìn giữ, phát huy giá trị của di tích trong đời sống văn hoá đương đại.

1. Vị trí địa lý và hiện trạng trước khi khai quật

Thành Hồ nằm trên vùng đất cao phía bắc sông Đà Rằng, thuộc thôn Định Thọ, xã Hoà Định Đông, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên, cách thị xã Tuy Hoà 12km và cách cửa sông Đà Rằng 15km về hướng đông. Thành Hồ nằm án ngữ con đường thủy theo dọc sông Đà Rằng - con sông lớn nhất miền Trung, đi lên vùng cao nguyên. Đây là con đường giao thông thủy quan trọng, thuận lợi nối vùng cao nguyên rộng lớn, trù phú với dải đồng bằng ven biển miền Trung và vươn ra biển nối với các vùng trong khu vực.

Về tên gọi thành Hồ, đến nay có nhiều ý kiến khác nhau. Có người cho rằng tên thành Hồ do những chủ nhân đầu tiên đến vùng đất thấy trong thành có nhiều hồ sen nên theo đó mà gọi. Nhưng có ý kiến cho rằng từ "Hồ" là do biến âm của từ "Hời" mà thành - thành Hời tức là thành của người Chăm. Hay có ý kiến cho rằng Hồ là tên gọi tộc người ngoại biên (người Hồ) khi những người dân Việt đến tiếp quản vùng đất. Toà thành của "người ngoài" xây dựng gọi là thành Hồ. Dù nguồn gốc tên gọi chưa nhất trí giữa các nhà nghiên cứu, nhưng tên Thành Hồ được dùng làm tên gọi cho toà thành quan trọng này.

Thành Hồ, phía tây tựa vào dãy núi Hòn Mốc; phía nam giáp với sông Đà Rằng. Qua khảo sát hiện trạng chúng tôi nhận thấy: bờ tây còn khá nguyên vẹn, hiện nó được sử dụng để làm con đường đi, trên mặt tường thành có các hộ dân sinh sống, ở đây không còn dấu tích của các tháp canh; bờ phía đông còn khá kiên cố, hiện còn dấu tích các tháp canh; trên mặt tường thành bắc và đông có các hộ dân sinh sống; tường thành phía nam bị sông Đà Rằng xâm thực, cuốn trôi chỉ còn khoảng 200m phía tây và còn 1 dấu tích tháp canh; bờ thành thứ 5 nằm cách tường thành phía đông 700m hiện nay bị đứt đoạn chỉ còn lại dấu vết, đây là bờ thành nằm ở bên trong bao bọc khu trung tâm. Xung quanh bên ngoài bờ thành đông, bờ tây và bờ bắc có dấu vết hào nước, hiện đang được trồng rau hay cấy lúa. Kênh N1 và con đường dân sinh chạy theo hướng bắc - nam cắt ngang thành ở vị trí sát bờ tây. Kênh Chính Nam do

* CN. Viện Khảo cổ học

** TS. Viện Khảo cổ học

người Pháp đào dẫn nước từ công trình thuỷ lợi Đồng Cam (xây dựng từ 1924 đến 1929) và con đường quốc lộ 25 được đắp song song, chạy cắt ngang thành theo hướng đông - tây và nằm về phía nam của thành.

Từ trên đỉnh Hòn Mốc (nơi có dấu tích tháp) ta có thể nhìn thấy toàn cảnh thành Hồ và các vùng phụ cận. Đối diện sông Đà Rằng, bên bờ nam, trên núi Bà còn phế tích kiến trúc tháp nằm theo trục bắc nam với thành Hồ, cách 12km về phía đông là tháp Nhạn. Các di tích này đều nằm dọc ven 2 bờ sông Đà Rằng. Điều này cho thấy vị trí quan trọng của con sông này trong đời sống cư dân Chăm.

Trong 2 năm, 2003 và 2004, Viện Khảo cổ học đã phối hợp với Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Phú Yên khai quật, tìm hiểu về toà thành này. Kết quả khai quật góp phần quan trọng vào việc đánh giá giá trị lịch sử của thành Hồ trong bối cảnh lịch sử chung của dân tộc Chăm.

2. Quá trình nghiên cứu

Đây là một toà thành cổ, lần đầu tiên được khai quật nghiên cứu, do vậy tư liệu khảo cổ học về toà thành này chưa có. Tuy nhiên về vị trí và vai trò của toà thành này đã được người Pháp điều tra, nghiên cứu. Trong cuốn “*Thống kê khảo tả các di tích Chăm ở Trung Kỳ*”, về thành Hồ, H.Parmentier viết “Toà thành này nằm ở địa phận làng Thành Nghiệp, tổng Sơn Tường, huyện Sơn Hoà, cách cửa sông Đà Rằng độ 15km. Chỉ có mỗi một mặt, mặt nam, là bị mất từng phần do sông xói lở. Các mặt khác còn nhận ra được ở một dải đất đắp liên tục kèm theo những đồng năm, vết tích còn lại của những tháp canh, dấu vết của những cổng thành. Bên trong, còn thấy một số dấu vết phân vùng. Khu thành hình vuông mỗi cạnh độ 700m, được xây chính hướng.”(Parmentier 1909-1918). Như vậy về phần mình, Parmentier đã mô tả khá kỹ những dấu vết còn lại của thành, tuy nhiên kích thước của các dấu vết thành thì không chính xác, nó mang tính ước đoán nhiều hơn. Khi xem lại bản vẽ của ông chúng tôi nhận thấy có nhiều sai sót.

Nguồn tư liệu Việt nam ghi chép về toà thành này khá nhiều như:

- Sách *Đại Nam nhất thống chí* khi chép về phần đất phía nam có chép “Thành cổ An Nghiệp, phía bắc sông Đà Diễn, thuộc xã An Nghiệp, huyện Tuy Hoà, chu vi 1400 trượng, tương truyền do người Chiêm xây, tục gọi thành Hồ, nay còn nền cũ”. Như vậy, tuy chỉ có mấy dòng ngắn nhưng đã cho thấy dấu tích và vị trí thành đã được các sử gia phong kiến ghi chép và tên “Thành Hồ” đã có từ đó (Quốc sử quán triều Nguyễn 1969).

- Trong cuốn “*Non nước Phú Yên*”, Nguyễn Đình Tư viết “Vì trong thành có hồ sen lớn nên thành có tên là thành Hồ. Toà thành nằm trên tỉnh lộ số 7, ở cây số 13, trong địa vực làng An Nghiệp, xã Hoà Định. Thành có 2 lớp: nội và ngoại. Thành ngoại hình chữ nhật với chiều đông - tây dài khoảng gần 1km và chiều bắc - nam khoảng gần 1,5km. Thành nội cách thành ngoại 150 thước, xây bằng đất, hình chữ nhật. ở góc thành ngoại phía tây bắc có Hòn Mốc”(Nguyễn Đình Tư 2004).

Từ năm 2000 trở lại đây, Bảo tàng Phú Yên kết hợp với các nhà nghiên cứu tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát khu vực thành Hồ. Trên bờ thành, rải rác ở các vị trí trong thành phát hiện được các hiện vật: đầu tượng và phác vật tượng, Yoni, đồ gốm, vật liệu kiến trúc (gạch, ngói mặt hể, vật liệu trang trí kiến trúc,...). Các nhà sưu tầm đã có những liên hệ và đánh giá với các di tích Champa trong khu vực, nhưng chưa đưa ra một khung niên đại cho thành Hồ.

- Tháng 7/2001, đoàn khảo sát do cố GS. Trần Quốc Vượng dẫn đầu đã tiến hành khảo sát điều tra phạm vi thành Hồ. Ngoài mô tả hiện trạng còn lại của thành Hồ trong đợt điều tra đã tìm được một số di vật ở các vị trí như Hòn Mốc, Cột Cờ, trên các bờ thành. Đó là các loại

hình: gạch, ngói, các mảnh gốm thô, đầu ngói ống hình mặt hể, kengdy, cà ràng... Qua hệ thống các di vật tìm được, các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhận định “Có nhiều khả năng, đây là địa điểm Chăm sớm”, “Nhìn chung bộ sưu tập này nằm trong khoảng thời gian từ thế kỷ III đến thế kỷ V” (Trần Quốc Vượng 2001).

- Một nhà nghiên cứu văn hoá Champa, sau nhiều lần tiến hành khảo sát, dựa trên các tư liệu thư tịch cổ, các di vật tìm được cùng với việc đối chiếu so sánh về mặt vật liệu kiến trúc, đặc biệt là gạch xây dựng, với các di tích Champa khác trong khu vực như tháp Nhạn (niên đại thế kỷ XII), tháp Yang Mun (thế kỷ XV) ở Gia Lai, phế tích tháp Đông Tác (thế kỷ XVI-XVII), phế tích tháp Phước Tịnh (thế kỷ XV), ông cho rằng, loại gạch xây dựng thành Hồ giống và cùng kích cỡ với gạch ở các di tích trên. Các viên ngói ống có trang trí mặt hể, theo ông, nằm trong khung niên đại từ thế kỷ XII đến thế kỷ XV, phù hợp với vật liệu kiến trúc. Và niên đại của thành Hồ “...được xây dựng vào khoảng thế kỷ XII... và được sử dụng liên tục cho đến cuối thế kỷ XVI” (Ngô Văn Doanh 2001).

Như vậy, giữa các nhà nghiên cứu đã có những quan điểm khác nhau trong việc định niên đại cho di tích Thành Hồ. Đến nay, có 2 quan điểm cơ bản:

- Quan điểm thứ nhất cho rằng thành Hồ có niên đại sớm, từ thế kỷ II đến thế kỷ V, ở vào giai đoạn đầu của việc hình thành nhà nước Champa.

- Quan điểm thứ hai cho rằng nó có niên đại muộn hơn, khoảng thế kỷ XII và được sử dụng kéo dài đến thế kỷ XVI, ở vào giai đoạn nửa cuối của sự tồn tại nhà nước Champa.

3. Quá trình khai quật

Năm 2003, chúng tôi tiến hành mở 2 hố khai quật H1: 22,5m² (5m x 4,5m) và H2: 24m² (6m x 4m). Trong phạm vi đó, các vết tích kiến trúc và các di vật tìm được đã bước đầu khẳng định giá trị của di tích. Trên cơ sở kết quả thu được, năm 2004, chúng tôi tiến hành mở tiếp 2 hố: Hố H3 nằm về phía tây và liền kề hố H1 có diện tích 5m² (1m x 5m); Hố H4 mở về phía đông và liền kề hố H1 với diện tích 20m² (4m x 5m). Cả 2 hố H3 và H4 được mở ra đều nhằm tìm hiểu và làm rõ hơn các kiến trúc đã xuất lộ ở H1.

3.1. Địa tầng

Nhìn chung, địa tầng trong các hố khai quật khá thống nhất và được chia thành 4 lớp như sau:

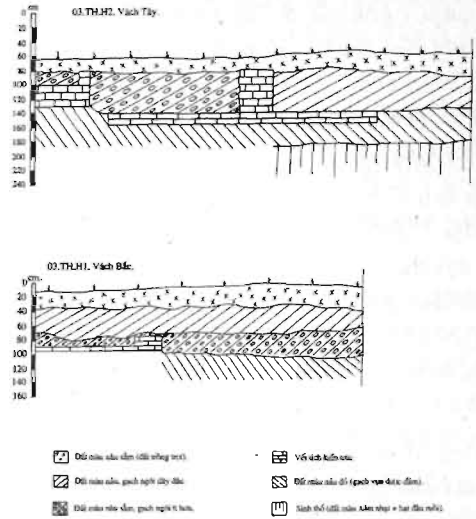
- *Lớp mặt*, là đất trồng trọt lẫn nhiều di vật hiện đại, kết cấu đất bờ, xộp, dạng cát, không kết dính, màu nâu sẫm. Lớp này dày từ 15cm - 40cm, không chứa di vật khảo cổ.

- *Lớp 1*, đất màu nâu xám nhạt, dạng cát, bờ, xộp và chứa gạch ngói, gốm và các vật liệu trang trí kiến trúc dày đặc. Lớp này dày từ 30cm - trên 40cm.

- *Lớp 2*, đất màu nâu sẫm, dạng cát, xộp không kết dính và chứa ít di vật hơn so với lớp 1, tuy nhiên tỉ lệ các mảnh gốm lại nhiều lên so với các di vật gạch ngói. Lớp này dày từ 30cm - 60cm.

- *Lớp 3*, đất màu nâu đỏ, dạng cát, bờ, lổm đổm các hạt dạng đầu ruồi. Trong lớp này chứa gạch vụn được đầm nén chặt, trên đó có các công trình kiến trúc được dựng lên. Lớp này chứa ít các di vật gốm (hầu như không) và dày từ 35cm - 40cm.

- *Lớp 4*, đất cát màu xám, bề mặt sát với L3 có một vài di vật, phía dưới hoàn toàn không chứa di vật khảo cổ. Đất dạng cát bị laterite hoá, màu đốm đen, thuần nhất và khá chặt. Đây chính là lớp đất sinh thổ của hố khai quật. Lớp đất này nằm ở độ sâu từ 1,80m trở xuống.



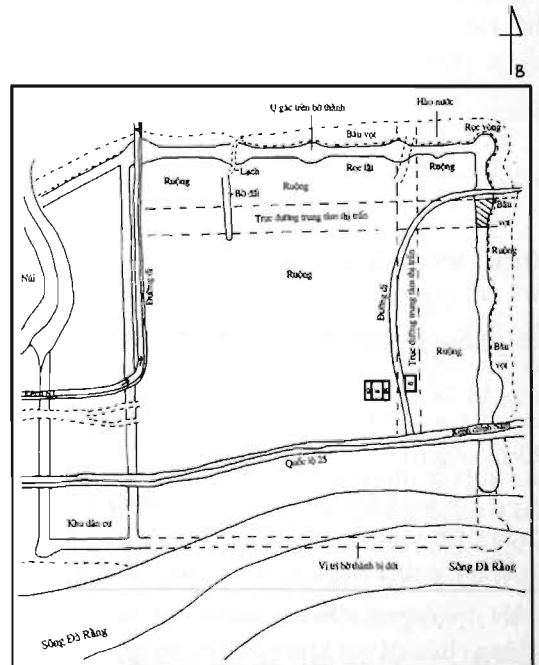
Địa tầng hố khai quật thành H3

3.2. Di tích kiến trúc

Trong 71,5m² của 4 hố khai quật, chúng tôi đã phát hiện được 6 vết tích kiến trúc. Điều đó cho thấy mật độ kiến trúc phát hiện được ở đây là khá dày đặc. Các vết tích kiến trúc còn khá nguyên vẹn, chỉ cách mặt đất từ 20cm - 40cm, chúng đều có kết cấu gạch xếp chập khối.

3.2.1. Dấu vết kiến trúc hố H1: 3 dấu vết của 3 công trình kiến trúc riêng biệt, cụ thể như sau.

Vết tích kiến trúc 1: đây là vết tích kiến trúc quan sát được toàn bộ bình đồ, xuất lộ ở độ sâu từ 31cm (so với cos 0 của hố), cách mặt hố khai quật 30cm. Công trình kiến trúc có diện tích 5,7m² (2,65m x 2,15m). Xung quang có bờ tường móng. Tường rộng 40cm, bề mặt phía trên được xếp gạch vỡ. Trong lòng kiến trúc rộng gần 3m² (1,6m x 1,8m) được lát hoàn toàn bằng gạch vỡ (lát nhiều lớp). Góc đông-bắc phát hiện được 1 ấm (kendy) còn nguyên vẹn được đặt ngay ngắn. Phần phía nam của công trình kiến trúc này đã bị phá ở phần trên, khi đào sâu xuống chúng tôi thấy chỉ còn dấu tích của móng tường. Ở phía tây, dưới mặt kiến trúc 45cm, có rãnh thoát nước (thoát nước cho lòng kiến trúc-Sumatra) nằm ở độ sâu 76cm (so với cos 0). Rãnh rộng 80cm, lòng rộng 48cm được xếp gạch nằm ngang, 2 bên thành gạch được xếp dọc. Rãnh này còn tiếp tục chạy về phía tây và hố H3 được mở rộng để làm rõ thêm về rãnh nước này.



Gạch để làm công trình kiến trúc này có màu đỏ, thô, độ thấm nước cao, lõi trong có màu xám đen, không có hoa văn trang trí, kích thước trung bình (dài x rộng x dày) là: (36 x 18 x 8) cm.

Vết tích kiến trúc 2: nằm ở góc đông bắc, cách mặt đất từ 60cm - 70cm (do mặt đất nghiêng theo chiều từ nam xuống bắc). Kiến trúc này còn nằm sâu trong vách đông, phần xuất lộ rộng nhất 60cm, dài 1,38m, được xếp ngay ngắn bằng những viên gạch nguyên, có kích thước (38 x 18 x 8)cm. Kiến trúc hiện cao 54cm, được xếp 6 lượt gạch. Hố H4 được mở rộng để làm rõ kiến trúc này, đó là một khối hộp hình chữ nhật không đều nhau nằm theo hướng đông-tây, có diện tích 4,41m² (3,15m x 1,4m). Liên kết giữa các viên gạch có sử dụng đất sét màu trắng mịn. Kiến trúc này nằm dưới lớp ngói và các vật liệu trang trí kiến trúc, do vậy khả năng kiến trúc có bộ mái lợp phía trên đã bị sụp đổ.

Vết tích kiến trúc 3: nằm ở góc tây - bắc của hố khai quật, bình đồ hình vuông, có diện tích 2,1m² (1,45m x 1,45m). Xung quanh được bó tường rộng 38cm bằng loại gạch có kích thước trung bình (38 x 18 x 8)cm; các viên gạch được xếp quay ngang hay dọc. Tường cao 28cm với 3 lượt gạch, bề mặt tường bị võng xuống. Trong lòng kiến trúc được lát hoàn toàn bằng gạch vỡ, và không theo trật tự. Hố H3 được mở nhằm tìm hiểu vết tích kiến trúc này.

3.2.2. Vết tích kiến trúc hố H2: 3 vết tích kiến trúc.

Vết tích kiến trúc 4: nằm cách mặt hố khai quật 20cm, theo hướng bắc-nam. Kiến trúc này ở đầu phía nam chỉ có 1 lượt gạch xếp nhưng đầu phía bắc được xếp 3 lượt gạch (còn tiếp tục ăn sâu vào 2 vách) và đều được xếp bằng gạch vỡ. Mặt tây của kiến trúc còn ngay ngắn, nhưng mặt đông thì có sự lộn xộn của gạch vỡ. Kiến trúc nằm trên lớp ngói dày từ 30cm - 40cm. Để tìm hiểu rõ hơn, cách vách bắc 4m chúng tôi đào thám sát 1m², ở độ sâu cách mặt đất 30cm, xuất lộ vết tích kiến trúc này và chúng còn dài tiếp. Tương tự như vậy, cách vách Nam 3m, ở độ sâu cách mặt đất 40cm chúng tôi đã gặp dấu vết kiến trúc trên. Như vậy, tổng chiều dài của kiến trúc này là trên 13m. Từ những cứ liệu trên đã đưa chúng tôi đến nhận định, đây khả năng là một dải tường ngăn cách và được xây dựng sau, nằm trên lớp ngói đổ của công trình kiến trúc trước đó.

Vết tích kiến trúc 5: nằm ở độ sâu 90cm (so với cos 0), cách mặt hố khai quật 50cm. Kiến trúc có bình đồ hình tứ giác, bờ móng tường chạy xung quanh rộng 40cm. Trên bờ mặt của tường móng đều là gạch vỡ. Mặt phía tây đã bị đổ, ở đó đều là gạch vỡ nằm lộn xộn. Mặt phía đông còn khá nguyên vẹn ngay ngắn, cao 70cm với 6 lượt gạch. Hướng bắc-nam đã xuất lộ dài 350cm và còn tiếp tục ăn sâu vào vách nam. Hướng đông-tây đã xuất lộ dài 180cm và còn tiếp tục ăn sâu vào vách tây. Trong lòng có dấu vết của nền lát gạch đã bị phá không còn nguyên vẹn, chỉ thấy một vài viên gạch nằm thẳng hàng ngay ngắn. Nền được lát 2 lượt và ở độ sâu 140cm (so với cos 0) và cách mặt hố khai quật 1m, nằm trải theo hướng bắc-nam, phần sát và trong vách tây dấu vết nền còn khá rõ ràng.

Vết tích kiến trúc 6: nằm hoàn toàn trong vách, và ở chính góc tây-nam của hố khai quật, ở độ sâu 110cm (so với cos 0) và cách mặt hố 70cm, gồm 2 đoạn tường bắt góc. Đoạn tường ở vách nam dài 80cm, cao 40cm với 4 lượt gạch. Đoạn tường ở vách tây dài 74cm, cao 50cm với 5 lượt gạch. Kiến trúc này cũng nằm đè lên nền gạch nhưng lại xuất hiện ở độ sâu thấp hơn so với kiến trúc 5, do vậy 2 kiến trúc này không liên quan đến nhau.

3.3. Di vật: hàng vạn di vật đã được đưa lên khỏi lòng đất với các loại hình như: đầu ngói ống, trụ gốm, gạch, ngói,...

STT	Ký hiệu	Hoa văn	Đường kính (cm)	Dày (cm)	Màu sắc	Hiện trạng
1	03.TH.H1.L1: 01	Cánh sen	17,8	0,7	Trắng xám	Vỡ
2	03.TH.H1: 02	Mặt hể	16,0	0,6	Trắng hồng	Vỡ
3	03.TH.H1: 03	Mặt sư tử	18,7	0,6	Đỏ nhạt	Vỡ
4	03.TH.H1.L4: 04	Mặt hể	13,6	0,8	Hồng	Vỡ
5	03.TH.H1: 05	Cánh sen	18,0	0,8	Đỏ nhạt	Vỡ
6	03.TH.H1: 06	Mặt sư tử	14,0	1,0	Đỏ	Vỡ
7	03.TH.H2. L5: 14	Mặt hể	16,4	1,0	Trắng	Nguyên
8	03.TH.H2.L1: 15	Mặt hể	16,0	1,1	Trắng hồng	Vỡ
9	03.TH.H2.L4: 16	Mặt hể	13,0	0,8	Nâu đỏ	Vỡ
10	03.TH.H2.L2: 17	Mặt hể	14,8	0,8	Nâu	Vỡ
11	03.TH.H2.L2: 18	Mặt hể	17,0	0,7	Nâu	Vỡ
Trung bình			15,9	0,8		

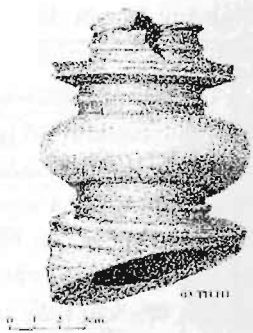
3.3.1. Vật liệu kiến trúc

- *Đầu ngói ống*: 100 mảnh, được trang trí hoa văn cầu kỳ và đẹp nhất trong số các di vật tìm được với các hình trang trí: mặt sư tử, mặt kala, mặt hể, hoa sen... Những mảnh đầu ngói ống bị vỡ ra từ những viên ngói lợp ở diềm của mái kiến trúc. Màu sắc đỏ hay hồng, thuộc loại gốm mịn chắc. Sau đây là kích thước một số đầu ngói tiêu biểu.

- *Trụ gốm*: 10 mảnh, trong đó 3 hiện vật còn nhận thấy rõ, số còn lại là các mảnh vỡ.

- Hiện vật thứ nhất ký hiệu 03.TH.H1: 22, gốm có màu đỏ nhạt, lõi giữa màu trắng xám, thuộc loại mịn, chắc, dày 1,3cm, hiện đã bị vỡ phần đầu (hình búp sen), còn 2 tầng: tầng trên hình vuông rộng 1,0cm; tầng dưới hình tròn rộng 3,4cm. Thân con tiện thon dần lên trên. Hiện vật còn cao 16,5cm; đường kính tròn rộng nhất 7,5cm.

- Hiện vật thứ 2 ký hiệu 03.TH.H1: 23. Gốm có màu hồng, thuộc loại gốm mịn, chắc; xương gốm có màu hồng, dày 1,5cm. Phần trên đã bị gãy, hiện còn 4 tầng trang trí, từ trên xuống: tầng 1 hình vuông rộng 1,3cm; tầng 2 hình tròn rộng 2,5cm; tầng 3 hình vuông rộng 1,5cm; tầng 4 hình tròn rộng 3,0cm. Trụ gốm hiện cao 20cm, thân thon đều lên trên, đường kính tròn rộng nhất 8,2cm.



Trụ gốm

- Hiện vật thứ 3 ký hiệu 03.TH.H2.L1: 24. Gốm bên ngoài màu nâu vàng, thuộc loại gốm mịn, chắc. Xương gốm màu trắng hồng, chắc, dày 1,0cm. Hiện còn cao 12,4cm, thân thon dần lên trên, đường kính thân rộng nhất 4,8cm. Trụ gốm đã bị gãy phần trên, hiện còn 4 tầng trang trí, từ trên xuống: tầng 1 hình vuông rộng 1,3cm; tầng 2 hình tròn rộng 1,5cm; tầng 3 hình vuông rộng 1,0cm; tầng 4 hình tròn rộng 2,2cm.

- *Đỉnh gốm* là một bộ phận để gắn các thành phần trang trí kiến trúc với bộ mái kiến trúc. Những đỉnh gốm này nhô lên với chức năng dùng để cắm các trang trí kiến trúc cùng chất liệu gốm. Loại hình này thường có phần chân to, bản đế rộng gắn liền với mặt trên của

ngói, phần trên thân tròn, nhọn dần dài vút như một chiếc đỉnh đầu nhọn. Tại cuộc khai quật, chúng tôi tìm được đỉnh gốm còn nằm trong lòng trụ gốm trang trí kiến trúc. Trong 2 đợt khai quật chúng tôi phát hiện được tổng số 06 di vật loại này.

- *Gạch*: trong 4 hố khai quật, với diện tích 71,5m² chúng tôi thu được một số lượng lớn các viên gạch dùng để xây dựng các công trình kiến trúc. Những viên gạch ở đây có đặc điểm: màu sắc đều là màu đỏ tươi, chất liệu thô, pha nhiều sạn sỏi mà mắt thường dễ dàng nhận thấy, độ nung thấp, dễ vỡ rời khi gặp nước, đều bị lỗ giữa có màu đen nhạt và chúng đều không có hoa văn trang trí. Kích thước gạch trung bình (dài x rộng x dày) là (36 x 18 x 8)cm.

Bảng thống kê kích thước gạch tiêu biểu

STT	Dài (cm)	Rộng (cm)	Dày (cm)	Ghi chú
1	Không đo được	18.0	8.0	Màu đỏ, vỡ.
2	-	18.0	8.5	Màu đỏ, vỡ
3	-	19.0	8.0	Màu đỏ, vỡ
4	-	19.0	8.0	Màu đỏ, vỡ
5	-	18.0	7.0	Màu đỏ, vỡ
Trung bình		18,4	7,9	

- *Ngói âm – dương*: có số lượng hàng vạn mảnh, chất liệu khá mịn, chắc; màu sắc chủ yếu là màu đỏ nhạt, trắng hồng, hầu hết đều có hoa văn chải ở mặt trên; cá biệt có những mảnh ngói có màu xám ở dạng sần, đường rãnh chải sắc, có độ nung và độ cứng rất cao (số lượng những mảnh ngói dạng này rất ít, chỉ khoảng hơn chục mảnh), do vậy chúng tôi đoán định khả năng nó được mang từ một nơi khác đến.

3.3.2. Đồ gốm

Gốm nhiều loại hình khác nhau, phần lớn thuộc loại gốm thô, bờ, xốp, pha nhiều cát, sỏi và bã thực vật. Hoa văn trang trí đơn giản, đều là các kiểu hoa văn mang yếu tố kỹ thuật, đó là hoa văn chải, văn in ô vuông (ảnh hưởng từ Trung Quốc- Hán), văn thùng, và vài mảnh văn khắc vạch kiểu sóng nước, hay in đường tròn kiểu chấm gốc rạ.

Về loại hình chủ yếu là đồ gia dụng như bát, đĩa, nồi, ấm,... Đồ gốm ở đây đều được miết láng mịn ở bên ngoài thoát nhìn như được khoác một chiếc áo, phần lớn không có hoa văn trang trí và đều thuộc loại gốm thô, bờ. Xương gốm lẫn nhiều các hạt sạn sỏi, bị lỗ giữa có màu xám đen.

Mảnh miệng: Hiện vật gốm bị vỡ thành các mảnh nhỏ, do vậy rất khó khăn cho việc phân loại theo loại hình. Căn cứ vào cấu tạo và diễn biến các mảnh miệng được phân thành các kiểu:

- *Kiểu 1*, miệng loe xiên, thành miệng thẳng, mép miệng bẻ cuộn ra ngoài; thuộc loại gốm chắc mịn, không có hoa văn trang trí. Xương gốm dày dần từ trên xuống dưới. Đường kính miệng trung bình 24cm. Đây là miệng của loại hình chậu nhỏ.
- *Kiểu 2*, miệng hơi cong vào, thành miệng thấp, có vai khum rộng, không có hoa văn trang trí. Thuộc loại gốm mịn, chắc. Đây là miệng của loại hình bình hay vò.
- *Kiểu 3*, miệng khum, thành cong, mép miệng vuông, có màu nâu. Xương gốm dày đều, khá mịn, nhưng bờ. Không có hoa văn trang trí. Đây là miệng của loại hình bát bóng.
- *Kiểu 4*, miệng loe, thành miệng hơi cong và dày, mép miệng được vuốt nhọn, bên trong thành miệng ưỡn ra, bên ngoài có gờ nổi (gờ rộng 1,3cm), gờ có trang trí hoa văn in ấn hình vỏ sò. Gốm màu đỏ, xương màu trắng nhạt. Đây là miệng của loại hình chậu.

Bảng thống kê số lượng mảnh gốm các hố khai quật

Stt	Lớp	Số lượng (mảnh)									Tổng	Tỉ lệ (%)
		Miệng	Thân	Đáy	Đế	Nắp	Cà ràng	Đế cốc	Vòi ấm	Dội se sợi		
I- Hố H1		382	1661	190	25	41	6	8	0	2	2315	51
1	L1	16	39	4	3	1	0	0	0	2	65	1,4
2	L2	186	481	85	21	16	2	0	0	0	791	17,4
3	L3	150	569	101	1	9	0	0	0	0	830	18,3
4	L4	30	572	0	0	15	4	8	0	0	629	13,9
II- Hố H2		100	495	105	1	1	0	1	2	0	705	15,5
1	L1	30	101	30	0	0	0	0	0	0	161	3,5
2	L2	30	181	42	0	0	0	0	1	0	254	5,6
3	L3	40	208	29	0	1	0	1	1	0	280	6,2
4	L4	0	5	4	1	0	0	0	0	0	10	0,2
III-Hố H3		37	467	36	4	14	0	0	2	0	560	12,3
1	L1	3	213	7	0	1	0	0	0	0	224	4,9
2	L2	14	96	13	0	2	0	0	0	0	125	2,8
3	L3	14	141	14	4	11	0	0	2	0	186	4,1
4	L4	6	17	2	0	0	0	0	0	0	25	0,6
IV-Hố H4		97	764	75	0	25	0	0	0	0	961	21,2
1	L1	3	127	8	0	4	0	0	0	0	142	3,1
2	L2	17	229	14	0	7	0	0	0	0	267	5,9
3	L3	68	299	42	0	12	0	0	0	0	421	9,3
4	L4	9	109	11	0	2	0	0	0	0	131	2,9
Tổng I-IV		616	3387	406	30	81	6	9	4	2	4541	100
		13,6	74,6	8,9	0,7	1,8	0,13	0,2	0,08	0,04	100	

- *Kiểu 5*, miệng loe ngựa, thành miệng xiên thẳng, mép miệng vuốt nhọn, cổ bóp vào, thân cong đều xuống dưới, không có hoa văn trang trí. Xương gốm thô, màu đen, vỡ. Đây là miệng của loại hình nổi, vò.

- *Kiểu 6*, miệng loe ngựa, thành miệng cong, cổ cao bóp vào, mép miệng vuốt nhọn, vai xuôi. Đây là miệng của loại hình nổi.

- *Kiểu 7*, miệng thẳng, thành miệng cong và thấp, mép miệng vê tròn, cổ thấp, vai rộng khum trang trí hoa văn in ô vuông. Điều đáng lưu ý ở đây là có những mảnh được nung với nhiệt độ cao, gốm có màu xám sẫm, xương gốm mịn chắc, hoa văn in ô vuông sắc và rõ, mép miệng vê tròn. Một số nhà nghiên cứu cho rằng đồ gốm này được mang trực tiếp từ Trung Quốc sang. Đây là miệng của loại hình nổi, vò.

- *Kiểu 8*, miệng nhỏ, mép miệng vê tròn, thành miệng thấp (sát với vai), vai khum phình rộng. Đây là miệng của loại hình vò, lọ vai phình rộng, thon nhỏ dần xuống phía dưới, không có chân đế.

- *Kiểu 9*, miệng loe rộng, mép miệng vuốt nhọn, thành miệng phía trong uốn, có gờ ở ngoài, đường kính miệng từ 25cm đến 31cm. Gốm mịn, xương lõi giữa màu đen nhạt. Đây là miệng của loại hình đĩa.

- *Kiểu 10*, miệng loe ngửa hần ra, thành miệng phía trong uốn, mép miệng vuốt nhọn, đáy bằng. Đây là miệng của loại hình âu, đường kính miệng từ 28cm đến 30cm.

- *Kiểu 11*, miệng loe ngửa, thành miệng cao, bóp vào, thành miệng phía trong uốn cao, mép miệng vê tròn, sát mép miệng được vê một đường lõm xuống. Đây là miệng của loại hình bình hay lọ hoa.

- *Kiểu 12*, miệng loe ngửa xiên, thành miệng cong uốn vào trong, mép miệng vê tròn, bên trong sát mép miệng có hoa văn trang trí bằng những chấm hình tứ giác thành hàng từ trên xuống. Xương gốm dày, thô nặng, dày trên 1cm. Đây là miệng của loại hình chậu nhỏ.

- *Kiểu 13*, miệng loe khum, mép miệng vuốt nhọn, thành thấp cong, lòng phẳng, xương gốm thô, không có hoa văn trang trí. Đây là miệng của loại hình đĩa nhỏ, đường kính miệng từ 9cm đến 11cm.

- *Kiểu 14*, miệng loe rộng, mép miệng vuốt nhọn hoặc được bẻ vuông, cổ cao, thành uốn vào trong, phần sát đáy gây vào đột ngột, đây là kiểu miệng đặc trưng gặp ở đây. Xương gốm dày từ 0,5cm đến 0,9cm, đường kính miệng 16cm. Đây là miệng của loại hình nồi nhỏ.

Mảnh thân:

- *Chất liệu* gồm 2 loại chính:

+ *Loại I*: xương mịn, chắc, lẫn ít các hạt sạn sỏi, bị lõi giữa, màu hồng nhạt có miết láng. Xương gốm dày trung bình từ 0,4cm - 0,6cm.

+ *Loại II*: xương gốm thô, bở, lẫn nhiều sạn sỏi to mà mắt thường dễ dàng nhận thấy. Xương gốm dày trung bình từ 0,6cm - 0,9cm.

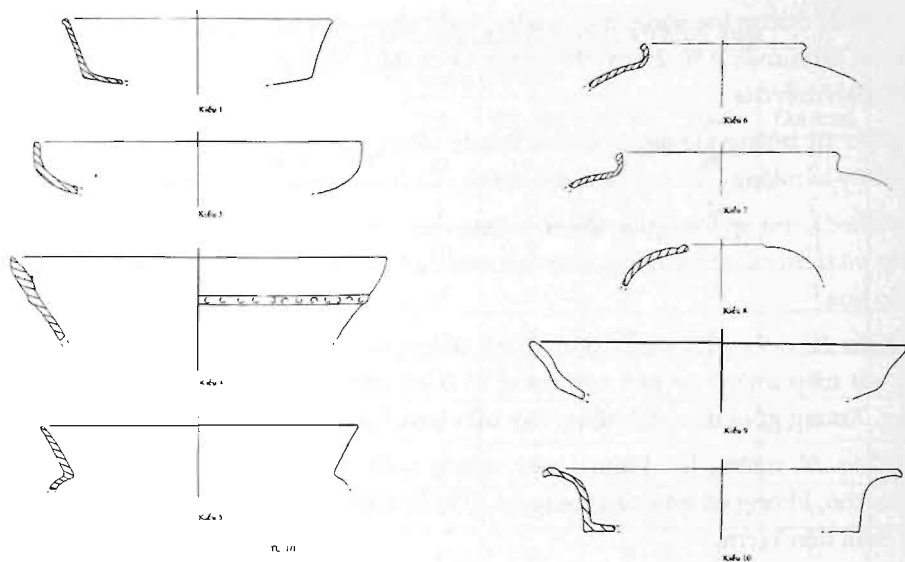
- *Hoa văn* gồm 3 loại:

+ *Loại I*: văn in ô vuông trên nền miết láng, ảnh hưởng của phong cách gốm Hán, có màu vàng nhạt; xương gốm dày thô, xốp, pha bã thực vật, dày trung bình 0,3cm - 0,5cm, lõi giữa có màu đen; gốm có độ nung thấp, bở. Tuy nhiên có một số mảnh màu xám dạng sành, hoa văn in ô vuông sắc cạnh, có độ nung cao, xương gốm đen, chắc mịn, dày đều trung bình từ 0,4cm - 0,6cm.

+ *Loại II*: văn thừng thô, mặt trong được miết láng, xương gốm thô, bở, lẫn nhiều sạn sỏi to và xương có màu đen nhạt. trang trí hoa văn thừng thô, rãnh thừng rộng 0,05cm, thuộc loại gốm thô, bở, xương gốm dày từ 0,4cm - 0,6cm. Theo chúng tôi, những mảnh có văn thừng này nằm ở vị trí vai của đồ đựng và là hoa văn mang tính chất kỹ thuật. Các rãnh thừng nằm xiên chéo nhau.

+ *Loại III*: văn khắc vạch, trang trí trên loại gốm mịn.

- *Kỹ thuật*: trên các mảnh gốm còn quan sát được các vết xước của bàn xoay. Do vậy, theo chúng tôi gốm ở đây chủ yếu được làm bằng bàn xoay, bên cạnh đó còn có một số sản phẩm làm bằng tay. Với những hiện vật có hình khối và hoa văn phức tạp, những người thợ thủ công còn sử dụng kỹ thuật ghép, dán gốm.



Bản vẽ các kiểu miệng gốm

Mảnh đáy: thuộc loại đáy bằng, có màu đỏ, không có hoa văn trang trí. Gốm thô, xốp, xương gốm màu đỏ, lẫn nhiều sạn sỏi hay bã thực vật, lõi giữa có màu đen nhạt. Chủ yếu thuộc đáy của các loại hình đĩa, bát.

Chân đế: căn cứ vào chiều cao đế, có thể phân thành 3 loại:

- **Loại I:** đế thấp, đường kính đế trung bình từ 8,6cm đến 10,2cm, chân đế cao trung bình từ 0,7cm đến 1,0cm,

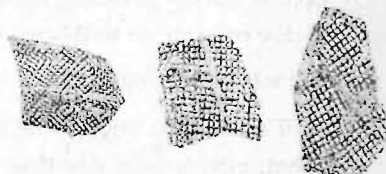
- **Loại II:** đế cao (trên 1cm) thuộc loại hình đĩa chân cao hay mâm bông, thân uốn cong, loe ở dưới, gốm màu trắng nhạt, mịn.

- **Loại III:** hiện vật có chân cao gốm màu xám trắng, xương khá mịn, độ nung thấp, lòng cốc nông, miệng loe, thân thu vào tiếp xúc với chân cốc. Kích thước đường kính miệng trung bình 13cm.

Nắp đáy: đều thuộc loại có núm cầm, gốm thô, xốp, xương bên trong có hiện tượng lõi giữa màu hồng nhạt hay xám đen, độ nung thấp, bề mặt có miết láng nhưng bị bong nhiều. Xương dày trung bình từ 0,4cm đến 0,6cm, đường kính nắp trung bình từ 22cm-33cm.

Mảnh cà ràng: các mảnh cà ràng thon nhỏ phía trên, mũi vươn ra ngoài, 2 mép ngoài cuốn vào giữa, độ nung thấp, xương gốm dày, lõi giữa màu xám đen. Kích thước dài trung bình từ 7,5cm - 14,5cm, rộng trung bình từ 8cm-9,5cm.

Vòi ám: gốm màu đỏ nhạt, xương mịn, bị bong mất lớp áo bên ngoài. Dáng cong, nhỏ dần từ trong ra và đều hướng lên trên. Hiện còn dài trung bình từ 4,0cm đến 8,0cm.



Hoa văn in ô vuông

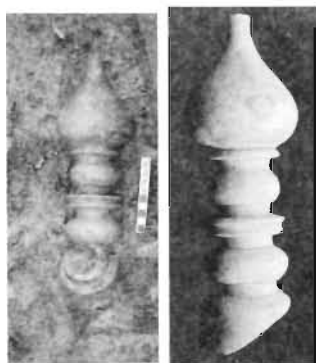


Hoa văn thừng

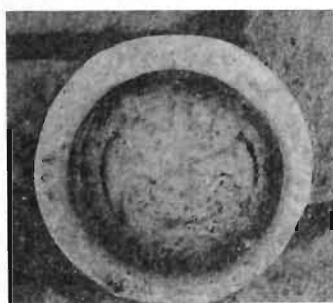
Hoa văn trên gốm



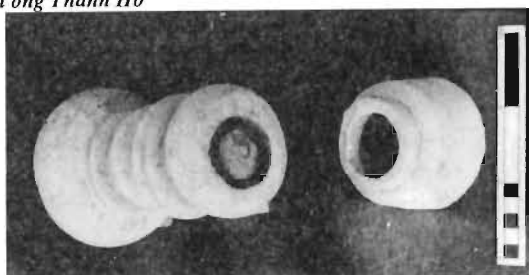
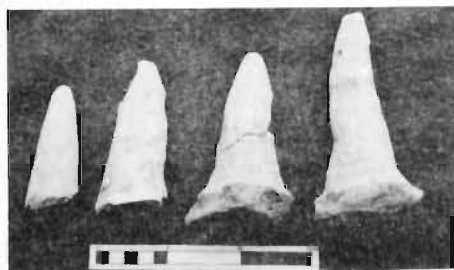
Dấu vết kiến trúc tại thành Hồ



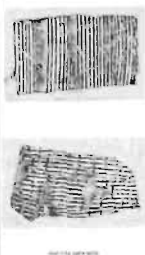
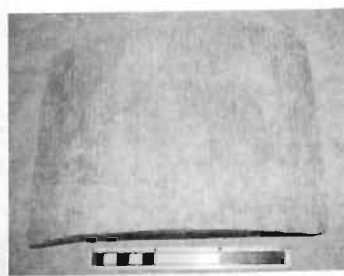
Trụ gốm



Đầu ngói ống Thành Hồ



Đỉnh gốm và kỹ thuật sử dụng



Ngói âm – Dương và hoa văn trên ngói



Vòi gốm Champa tại thành Hồ

Đồ gốm dùng trong sản xuất: 2 loại se sợi bằng đất nung, trong đó 1 chiếc còn nguyên vẹn ký hiệu 03.TH.H1: 32, và 1 chiếc đã bị sút vỡ ký hiệu 03.TH.H1: 31. Gốm có màu đen hay xám đen, bên ngoài được miết láng, xương gốm màu trắng xám, thuộc loại gốm mịn nhưng xốp, có dáng hình bánh xe, giữa có lỗ tròn. Đường kính 2,7cm và 3,0cm; dày 1,6cm và 1,8cm; đường kính lỗ tròn 0,6cm và 0,7cm.

3.3.3. Đồ đá 2 bàn mài bằng đá sa thạch mịn, đều phát hiện được ở H1.

- Hiện vật thứ nhất ký hiệu 03.TH.H1: 37, đá mịn màu xanh xám, đã bị vỡ, một mặt có dấu mài lõm, có dáng hình bầu dục. Hiện dài 8,4cm; rộng 4,1cm; dày nhất 1,1cm; phần lõm dày 0,6cm.

- Hiện vật thứ 2 ký hiệu 03.TH.H1: 38, đá mịn màu xám. Mặt mài lõm, có các vết xước cong hình elip đứt đoạn. Có dáng hình tứ giác, bị vỡ. Hiện dài 8,5cm; rộng 7,5cm; dày 1,8cm.

3.4. Niên đại

Từ những tài liệu trên có thể xác định niên đại của thành Hồ được xây dựng khá sớm, các công trình kiến trúc ở đây có niên đại thuộc thế kỷ V-VII. Niên đại này phù hợp với điều kiện lịch sử dân tộc Chăm, phù hợp với niên đại được xác định bằng phương pháp các bon phóng xạ C^{14} được thực hiện tại Trà Kiệu (Quảng Nam). Phù hợp với những di vật, di tích văn hoá Champa được biết tại Phú Yên như: bia Chợ Dinh (Núi Nhạn) niên đại thế kỷ VI-VII. Phù điêu tượng phật đất nung tìm được tại chùa Hồ Sơn (Tuy Hoà), hình phật đất nung thôn Thọ Sơn (Hoà Kiến) niên đại thế kỷ VII-VIII.

4. Một vài nhận xét

Với những hiện vật thu được, kết quả cuộc khai quật bước đầu có thể cho thấy, thành Hồ được xây dựng sớm trong lịch sử Champa, có quy mô xây dựng lớn, thành là một công trình kiến trúc hoàn thiện, một trung tâm lớn của dân tộc Chăm trong thời kỳ đầu lịch sử và có thể là trung tâm chính trị kinh tế của một vùng- tiểu quốc của người Chăm. Trung tâm này được xây dựng và phát triển rực rỡ không thua kém bất cứ một trung tâm nào của người Chăm, tương đương như kinh đô Trà Kiệu (Quảng Nam).

Theo các nguồn tư liệu thư tịch, từ những năm đầu công nguyên, cũng như các vùng đất khác, vùng đất phía nam bị phong kiến Trung Quốc đô hộ. Nhà Hán chia nước ta thành nhiều quận, huyện để cai trị trong đó có quận xa nhất về phía nam là quận Nhật Nam.

Quận Nhật Nam được chia thành nhiều huyện nhỏ: Lô Dung, Chu Ngô, Ty Ảnh,... và xa nhất về phía nam là huyện Tượng Lâm. Về vị trí huyện Tượng Lâm, cho đến nay có nhiều ý kiến khác nhau:

- Huyện Tượng Lâm thuộc vùng Thừa Thiên - Huế.
- Huyện Tượng Lâm là vùng đất Quảng Nam, Bình Định ngày nay.
- Và có ý kiến cho rằng địa giới huyện Tượng Lâm kéo dài đến tận vùng đất Phú Yên tới địa giới phía nam núi Đại Lãnh.

Sau nhiều lần nổi dậy đấu tranh giành độc lập, cuối thế kỷ II (năm 192) người Chăm trên vùng đất phía nam thuộc huyện Tượng Lâm giành độc lập, lập lên nhà nước Lâm Ấp. Nhà nước này về phía bắc quản lý đến vùng đất Quảng Bình ngày nay (nam đèo Ngang), về phía nam cho đến nay vẫn cần tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu.

Tài liệu lịch sử khảo cổ học cho biết, kinh đô đầu tiên của người Chăm là thuộc vùng Trà Kiệu (Quảng Nam), với tên gọi Simhapura. Tài liệu bi ký (bia Võ Cạnh thuộc Khánh Hoà) cho biết: thế kỷ III-IV Phật giáo ảnh hưởng đến cư dân Champa. Bia Mỹ Sơn I (Mỹ Sơn-Quảng Nam) viết về một vùng đất vua Chăm dâng cúng cho thần Siva thuộc thế kỷ V. Như vậy, có thể nói ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đến cư dân Champa khá sớm trong lịch sử, không xa thời gian khi người Chăm giành được và xây dựng nhà nước độc lập.

Thời gian đầu, có ý kiến cho rằng nhà nước Champa gồm nhiều tiểu quốc độc lập và có quan hệ mật thiết với nhau. Theo văn bia tìm được tại Mỹ Sơn, người Chăm có 2 bộ phận tộc người chính: phía nam thuộc thị tộc Dừa, phía bắc thuộc thị tộc Cau và thế kỷ VII người

Chăm mới thống nhất được thành một quốc gia thống nhất lãnh thổ từ bắc vào nam với địa lý hành chính kéo dài từ Quảng Bình đến Bình Thuận. Tài liệu khảo cổ học tìm được qua khai quật thành Hồ cho thấy ngoài kinh đô của người Chăm trong lịch sử là thành Trà Kiệu - Sinhapura (Quảng Nam) thì thời kỳ này còn một trung tâm kinh tế lớn ở phía nam đó chính là thành Hồ. Thành Hồ là một trung tâm của một tiểu quốc có nền kinh tế khá phát triển, có mối quan hệ mật thiết với các tiểu quốc trong cộng đồng lãnh thổ dân tộc Chăm và có mối giao lưu rộng rãi với các nền văn hoá bên ngoài.

Thế kỷ X người Chăm chuyển đô về Vijaya (Bình Định) thì vai trò của thành Hồ lại nổi lên là vùng đất kề cận phía nam kinh đô Vijaya. Thành Hồ được củng cố xây dựng thêm cho kiên cố trở thành một trung tâm lớn ở phía nam. Các trung tâm tôn giáo liên quan được xây dựng như: tháp Nhận, phế tích tháp Phú Lâm, Núi Một, phế tích tháp Bà, tháp Yang Mun (Gia Lai) tạo nên một quần thể di tích văn hoá Champa lấy thành Hồ làm trung tâm. Thành Hồ đảm nhận một vai trò lịch sử mới là trung tâm kinh tế tôn giáo của khu vực phía nam Champa.

TÀI LIỆU DẪN

- QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN 1969. *Đại Nam nhất thống chí*. Tập III. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- PARMENTIER H. 1909 – 1918. *Inventaire descriptif monuments Chams de l'Annam*. Avol. Paris (Bản dịch từ liệu Viện Khảo cổ học).
- NGÔ VĂN DOANH 2001. Thành Hồ (Phú Yên). *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2.
- NGUYỄN ĐÌNH TƯ 2004. *Non nước Phú Yên*. Nxb. Thanh Niên, Hà Nội (in lần thứ hai).
- TRẦN QUỐC VƯỢNG 2001. *Báo cáo điều tra khảo sát các di tích văn hóa Champa ở Phú Yên*. Tư liệu Bảo tàng tỉnh Phú Yên.

HỒ CITADEL (PHÚ YÊN) THROUGH TWO SEASONS OF EXCAVATION

PHẠM VĂN TRIỆU AND LÊ ĐÌNH PHỤNG

The Hồ citadel is located to the north of Đà Rằng river, at Định thọ hamlet, Hòa Định Đông commune, Phú Hòa district and Phú Yên province.

Prior to those excavations, it was investigated and studied by French scholars and historians of the Nguyễn dynasty and other Vietnamese scientists. However, there are many controversial problems, especially its date.

For further research into this citadel, Việt Nam Institute of Archaeology in cooperation with the Department of Culture, Information and Tourism of Phú Yên conducted two excavations in 2003 and 2004 with the total area of 71.5m². As a result, 6 architectural relics built with bricks and thousands of items for construction and decoration such as tubular brick ends, carinated ceramics, tiles, etc.

Through the research on the found relics and artifacts, the authors estimated the date of the citadel is the fifth – seventh centuries and thought that it was built fairly early in Champa history, with a large scale, which was a great political and economic centre of Cham minority in the first stage of their history. This centre was built and developed as gloriously as any other centres of the Cham people, such as Trà Kiệu Imperial city (Quảng Nam).